TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 27/2026/DS-PT Ngày: 31 - 3 - 2026 *V/v: "Kiện đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Năng

Các Thẩm phán: Ông Trần Khắc Hoàn

Bà Nguyễn Thị Thương Huyền

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Ngụy Tiến Thảo - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà***: Bà Dương Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2026/TLPT-DS ngày 12 tháng 02 năm 2026 về việc "*Kiện đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2026/QĐXX-PT ngày 05/3/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2026/QĐPT-DS ngày 19/3/2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1971, trú tại: Thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Y; địa chỉ: Số B, đường V, phường T, tỉnh Hà Tĩnh và ông Phạm Hồng H, địa chỉ: Thôn T, xã M, tỉnh Hà Tĩnh. (Bà Y có mặt, ông H vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

+ Bà Trần Thị H1 (có mặt); Ông Phan Văn C, bà Bùi Hoàng Linh C1, bà Đặng Thị Phương A (vắng mặt)- Luật sư thuộc Công ty L6 - Đoàn luật sư tỉnh H, địa chỉ: Số B, đường V, phường T, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Bị đơn: Ông Phan Khắc T, sinh năm 1977; trú tại: Thôn B, xã L, tỉnh Hà Tĩnh. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Vũ Thị T1. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Lê Thị T2 và bà Bùi Thị T3 - Luật sư thuộc Công ty L7- Đoàn Luật sư H7; địa chỉ: Số nhà C, ngách C, ngõ A, đường Q, phường N, Hà Nội; (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị P (vợ ông Phan Khắc T), sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn B, xã L, tỉnh Hà Tĩnh. Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị P: Bà Lê Thị T2. (có mặt)

+ Ông Lê Tử L1. (vắng mặt)

+ Ông Lê Tử D; (vắng mặt)

+ Ông Lê Tử Đ; (vắng mặt)

Đều trú tại: Thôn D, xã L, tỉnh Hà Tĩnh (thôn D, xã B, huyện T cũ).

+ Bà Lê Thị T4 (vợ của ông Phan Khắc N), địa chỉ: Thôn B, xã L, tỉnh Hà Tĩnh; (vắng mặt)

+ Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Hà Tĩnh. Người đại diện theo ủy quyền: bà Phạm Thị Tú A1; chức vụ: Chuyên viên phòng kinh tế UBND xã L, tỉnh Hà Tĩnh (Theo văn bản ủy quyền số 275/UBND-KT, ngày 04/8/2025). (có mặt)

4. Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị H2
2. Ông Lê Trọng Tăng
3. Bà Lê Thị Lan
4. Ông Trần Đức T5
5. Ông Lê Trọng L3
6. Ông Nguyễn Trọng M
7. Ông Nguyễn Đình Hà
8. Ông Nguyễn Xuân Vị
9. Bà Nguyễn Thị Xuân
10. Bà Nguyễn Thị Xử

Đều trú tại: Thôn B, xã L, tỉnh Hà Tĩnh (thôn B, xã B, huyện T cũ).

11. Bà Lê Thị Q; Địa chỉ: Thôn C, xã L, tỉnh Hà Tĩnh (thôn C, xã B, huyện T cũ).
12. Ông Lê Tử T6
13. Bà Lại Thị Thanh
14. Bà Lưu Thị Thi
15. Ông Lê Bá P1.

Đều trú tại: Thôn D, xã L, tỉnh Hà Tĩnh (thôn D, xã B, huyện T cũ).

16. Ông Đặng Danh T7 và bà Trịnh Thị T8; địa chỉ: Thôn T, xã M, tỉnh Hà Tĩnh (Thôn T, xã M, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh cũ

17. Bà Nguyễn Thị B, địa chỉ: Thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lăk

18. Bà Đặng Thị C2, địa chỉ: Thôn F, xã E, tỉnh Đắk Lăk.

(Tất cả những người làm chứng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện và đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn, bản tự khai của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu có tại hồ sơ, lời trình bày của các bên đương sự, vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:

Bố mẹ bà là cụ Lê Tự K (hay Lê Tử K1, Lê Tử C3), tên thường gọi là L3 và cụ Lại Thị E kết hôn và sinh sống với nhau tại xã B (nay là xã L) tỉnh Hà Tĩnh. Bà là người con duy nhất của cụ Lê Tự K và cụ Lại Thị E, ngoài bà ra cụ K và cụ E không có con chung, con riêng nào khác. Lúc còn sống, bố mẹ bà tạo lập được khối tài sản chung là thửa đất số 585, tờ bản đồ số 01, diện tích 480m^2, bản đồ 299, sổ mục kê mang tên "L3" cùng tài sản gắn liền với đất là 3 gian nhà gỗ cấp 4. Năm 1986, bố bà mất, thửa đất này cùng tài sản gắn liền với đất do mẹ con bà quản lý, sử dụng ổn định. Trong quá trình sinh sống, vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn, gia đình bà vào làm ăn kinh tế tại Đắk Lắk nên đã nhờ anh, em họ hàng trông nom thửa đất và tài sản gắn liền với thửa đất nêu trên, không chuyển nhượng cho ai. Vào cuối năm 2023, khi trở về thửa đất thì bà phát hiện anh Phan Khắc T đang tự ý sử dụng thửa đất của gia đình bà.

Quá trình tìm hiểu thông tin bà được biết: Năm 1998, sau khi gia đình bà vào miền N làm ăn, một số anh em trong họ hàng của bố bà là ông Lê Tử L1, ông Lê Tử Đ, ông Lê Tử D, ông Lê Tử B1 (đã mất), ông Nguyễn Duy H3 (đã mất) đã tự lý lập "*Giấy bán nhà vườn*" để chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất trên cho ông Phan Khắc N – bố đẻ của anh Phan Khắc T mà không thông báo cho mẹ con bà. Thửa đất này thuộc quyền sử dụng của cha mẹ bà và bà là người thừa kế duy nhất thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Do vậy, bà được quyền hưởng toàn bộ di sản thừa kế. Việc các anh em họ hàng của bố bà tự ý lập giấy bán vườn, chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Phan Khắc N và hiện tại là anh Phan Khắc T sử dụng thửa đất trên nhưng không có sự đồng ý của gia đình bà là trái với quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà. Vì vậy bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1- Hà Tĩnh) xét xử, buộc: Anh Phan Khắc T phải di dời nhà cửa, tài sản tạo lập trên diện tích đất thuộc thửa đất số đất số 585, tờ bản đồ số 01, bản đồ 299, diện tích 480m^2 (nay là thửa đất số 71, tờ bản đồ số 47, diện tích 371,6m^2; theo số liệu đo đạc hiện trạng là 363,3m^2) địa chỉ thôn B, xã L, tỉnh Hà Tĩnh, trả lại quyền sử dụng, đồng thời công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên cho bà.

Người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của của bị đơn anh Phan Khắc T trình bày: Đầu năm 1998, ông Phan Khắc N là bố đẻ của anh Phan Khắc T có mua thửa đất số 585, tờ bản đồ số 01 nay là thửa số 71, tờ bản đồ số 47. Trên đất có một căn nhà 2 gian, ẩm thấp, sập sệ. Thửa đất này trước đây là của ông Lê Tử C3, nhưng do ông C3 không có con, nên khoảng năm 1976 ông Lê Tử C3 đã gọi anh em, các cháu tới nhà, tuyên bố cho ông Lê Tử L1 toàn bộ nhà đất này và nhờ ông L1 làm dưỡng tử (ông L1 sẽ có trách nhiệm thờ cúng, trông nom mộ phần của ông C3). Sau đó, ông C3 đã ra ủy ban nhân dân xã K2 và thay đổi tên người sử dụng thành tên ông L1. Sau khi ông C3 chết, chỉ có người vợ hai của ông C3 là bà Nguyễn Thị B2 (tên thường gọi là H4) vẫn tiếp tục sử dụng căn nhà vườn này. Năm 1996, bà H4 chết, ông L1 là người trông nom, gìn giữ thửa đất. Đến ngày 16/03/1998, ông L1 đã bán toàn bộ thửa đất và căn nhà trên cho ông Phan Khắc N với giá 500.000 nghìn đồng (năm trăm nghìn đồng). Hai bên có lập "Giấy bán vườn nhà" trước sự chứng kiến của anh em ông C3, anh em bà H4, có xác nhận địa phương. Sau khi mua đất, ông N đã cho vợ chồng anh T toàn bộ căn nhà vườn này để ở. Do căn nhà quá cũ, sập xệ và đổ, gia đình anh T đã xây dựng lại thành căn nhà 3 gian như hiện nay. Từ năm 1998 đến nay, gia đình anh T sinh sống ổn định, liên tục, và không tranh chấp với bất kỳ ai. Anh em nội ngoại đều xác nhận bà L không phải là con của ông C3, do đó bà L không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến thửa đất này. Trước khi qua đời, ông C3 đã giao nhà đất trên cho ông Lê Từ L4 nên việc ông L4 bán nhà đất này cho ông Phan Khắc N là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị P ngoài việc trình bày quan điểm như bị đơn nêu trên có đơn yêu cầu độc lập với nội dung: Việc gia đình bà mua đất của ông Lê Tử L1 là đúng quy định. Gia đình bà đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người mua đất, sinh sống ổn định, công khai, ngay tình. Bà Lê Thị L không phải con đẻ của ông Lê Tử C3. Giấy khai sinh lại do UBND xã E, tỉnh Đăklắk cấp ngày 12/11/2013 cho bà Lê Thị L là trái quy định pháp luật. Việc bà L sử dụng giấy khai sinh lại trái pháp luật này để khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất với gia đình bà khiến gia đình bà bị thiệt hại về vật chất và tinh thần. Bà khởi kiện độc lập yêu cầu Tòa án tuyên hủy Giấy khai sinh lại do UBND xã E, tỉnh Đăklắk cấp ngày 12/11/2013 cho bà Lê Thị L và buộc bà L phải bồi thường thiệt hại thực tế tạm tính là 130.298.000 đồng, buộc bà L phải bồi thường thiệt hại do tổn thất về tinh thần cho gia đình bà là 23.400.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Tử L1, ông Lê Tử D, ông Lê Tử Đ trình bày có nội dung giống nhau như sau: Ông C3 chỉ có một tên gọi là Lê Tử C3, ngoài ra ông C3 không có tên gọi nào khác. Thửa đất số 585, tờ bản đồ số 01 trên đất đã có một nhà ở là của ông Lê Tử L5 (cha của ông C3). Ông C3 kết hôn với bà X1 có một người con là Lê Thị C4 (đã mất khi còn nhỏ), sau một thời gian bà X1 mất. Ông C3 tiếp tục kết hôn với bà Nguyễn Thị B2 (tên thường gọi là H4), giữa hai người không có con chung, sau đó ông C3 đưa bà E cùng con bà E là bà L về sinh sống cùng. Khoảng năm 1976, ông Lê Tử C3 gọi anh em và các

cháu trong dòng họ Lê T9 tới họp và thông báo: Ông C3 không có con, vì vậy ông C3 muốn ông Lê Tử L1 là người dưỡng tử cho ông C3, nên ông C3 cho ông L1 thửa đất này. Năm 1987, ông Lê Tử C3 chết. Sau khi ông C3 chết, bà Lại Thị E và bà Lê Thị L đã rời bỏ quê hương, bà H4 tiếp tục sống tại căn nhà và thửa đất nói trên. Năm 1996, bà H4 chết. Ngày 16/03/1998, ông L1 đã mời anh em nội tộc phía ông C3 và anh em phía bà H4 chứng kiến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên cho ông Phan Khắc N với số tiền 500.000 đồng. Việc chuyển nhượng được lập thành "Giấy bán vườn nhà" có xác nhận của ông Lê Hữu T10 – xóm trưởng xóm 10 và UBND xã B. Toàn bộ số tiền bán nhà, vườn, đã sử dụng để xây mộ cho vợ chồng ông Lê Tử C3, thậm chí anh em còn phải đóng góp thêm tiền mới đủ để xây mộ cho ông C3, bà X1, bà H4. Gia đình anh Phan Khắc T đã sinh sống ổn định từ đó đến nay, không tranh chấp với ai. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của bà L.

Ngoài ra, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Tử D còn có yêu cầu áp dụng quy định về thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T4 (vợ của ông Phan Khắc N) có văn bản trình bày nội dung giống nội dung trình bày của anh Phan Khắc T và bà đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã B (nay là ủy ban nhân dân xã L) trình bày: Về tên gọi: Ông Lê Tử C3 và ông Lê Tử K1 là một người, quá trình soạn thảo văn bản cán bộ nhầm lẫn giữa vần "C" và vần "K". Ông Lê Tử C3 (K) không có tên gọi nào khác.

Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp: Thửa đất số 585, tờ bản đồ số 01, diện tích 480m^2 bản đồ 299, nay là thửa 71, tờ bản đồ số 47, diện tích 371,6m^2 bản đồ đo đạc chính quy xã B. Hồ sơ lưu trữ đất đai thể hiện: Bản đồ 299, sổ mục kê (trang số 19) ghi tên "L1". Bản đồ 371 ghi tên Phan Khắc T. Hiện nay gia đình anh T đang sử dụng.

Các vấn đề có liên quan: Kiểm tra sổ hộ tịch không có thông tin về thủ tục khai sinh của bà Lê Thị L, không có thông tin đăng ký kết hôn giữa ông Lê Tử K1 và bà Lại Thị E. Ông K1 chung sống như vợ chồng với 03 người phụ nữ. Người vợ đầu tiên là bà X1. Ông K1 và bà X1 có 01 người con là bà Lê Thị C4 (đã mất khi còn nhỏ). Sau đó, ông K1 chung sống với bà Nguyễn Thị B2 (tên thường gọi là bà H4). Ông K1 và bà B2 không có con chung. Khoảng năm 1971, ông K1 sinh sống với bà Lại Thị E (thời điểm đó bà B2 vẫn còn sống). Bà Lê Thị L là người con được sinh ra trong thời kỳ ông K1 và bà E sống chung với nhau. Năm 1987 ông Lê Tử K1 chết. Một thời gian sau bà Lại Thị E và bà Lê Thị L đi nơi khác sinh sống. Năm 1998 ông Lê Tử L1, Lê Tử Đ, Lê Tử D, Lê Tử B3, Nguyễn Duy H3 đã ký giấy bán thửa đất 585 cho ông Phan Khắc N. Sau đó ông N cho vợ chồng anh Phan Khắc T và chị Nguyễn Thị P thửa đất này và anh T và chị Nguyễn Thị P sinh sống ổn định trên thửa đất từ đó đến nay. Anh T11 thuộc diện được miễn nộp thuế đất do thuộc đối tượng bảo trợ xã hội (tàn tật).

Những người làm chứng về phía nguyên đơn bà Lê Thị Q, ông Lê Tử T12, bà Lại Thị T13, bà Lưu Thị T14, ông Đặng Danh T7, bà Trịnh Thị T8 có văn bản trình bày nội dung giống nhau như sau: Gia đình ông Lê Tử K1 (hay Lê Tự K, Lê Tử C3 (K3), tên thường gọi là "L1"), năm 1970 ông Lê Tự K kết hôn với bà Lại Thị E. Sau khi ông Lê Tử K1 kết hôn với bà Lại Thị E thì năm 1971 vợ chồng ông Lê Tử K1, bà Lại Thị E sinh được 01 người con gái là bà Lê Thị L. Quá trình chung sống thấy ông Lê Tử K1, bà Lại Thị E gọi bà Lê Thị L là con, còn bà Lê Thị L gọi ông Lê Tử K1 là cha, gọi bà Lại Thị E là mẹ. Gia đình ông K1, bà E, bà L chung sống với nhau trên thửa đất tại thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh mà hiện nay gia đình ông Phan Khắc T, bà Nguyễn Thị P đang ở.

Ngày 09/7/2025, bà Nguyễn Thị B, địa chỉ tại thôn A, xã E, tỉnh Đăklăk. Ngày 08/7/2025 bà Nguyễn Thị C5, địa chỉ tại thôn A, xã E, tỉnh Đăklăk có văn bản gửi Tòa án xác nhận: Quá trình sinh sống tại xã B, các bà thấy ông Lê Tử K1, bà Lại Thị E, bà Lê Thị L sinh sống với nhau và các bà đều gọi ông Lê Tử K1 là "L1".

Những người làm chứng về phía bị đơn: Bà Nguyễn Thị H2 trình bày: Sau khi ông Lê Tử C3 chết, mẹ con bà E chuyển đi nơi khác sinh sống. Khi đó, bà H4- vợ ông C3 vẫn sống trên thửa đất này. Năm 1996 bà H4 chết. Năm 1998 gia đình anh T và chị P về ở ổn định từ đó đến nay.

Ông Lê Trọng T15, bà Lê Thị L2 trình bày có nội dung giống nhau như sau: Thửa đất mà vợ chồng anh T đang sử dụng, trước đây ông Lê Tử C3 sinh sống, ông C3 có hai người vợ là bà X1 và bà H4 và có 01 người con gái là Nguyễn Thị C6 (đã mất). Khoảng năm 1971, ông C3 có dẫn bà E và con riêng của bà E là bà L về ở cùng nhưng không đăng ký kết hôn, và không tổ chức lễ cưới (lúc đó người vợ thứ hai vẫn còn sống). Sau khi ông C3 chết, bà E đưa con là bà L đi biệt tích, không về địa phương. Năm 1996 bà H4 chết, ông L1 là người quản lý, trông coi thửa đất, đến năm 1998 thì bán cho ông N (bố anh T) và anh T sinh sống ổn định từ đó cho đến nay không ai tranh chấp.

Ông Lê Bá P1 (trú tại: Thôn D, xã B, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh)- trưởng ban giám trương của dòng họ L8 có văn bản xác nhận nội dung: Trong gia phả của dòng họ Lê T9 có ông Lê Tử C3 mất 1986, vợ đầu là bà Nguyễn Thị X1 (mất 1953), vợ hai là bà Nguyễn Thị B2 (tên thường gọi là bà H4, mất 1996. Ông C3 và bà X1 có 01 người con chung là Lê Thị C4 (mất năm 1969). Ông C3 chỉ có một tên gọi duy nhất là "Cu" ngoài ra không có tên gọi nào khác. Trong gia phả của dòng họ không có ai tên là Lê Tử K1.

Ngày 09/6/2025, bà Nguyễn Thị P cung cấp các văn bản xác nhận nội dung những người làm chứng bà Lại Thị T13, bà Trịnh Thị T8, bà Lưu Thị T14, ông Lê Tử T6 có quan hệ họ hàng với bà Lại Thị E.

Ngày 23/7/2025, Tòa án tiến hành xác minh thu thập thông tin về tên gọi của ông Lê Tử C3 (K) và nguồn gốc thửa đất tranh chấp tại một số người dân cao tuổi sống lân cận khu đất. Ông Trần Đức T5, bà Nguyễn Thị X2, ông Nguyễn Xuân V, ông Lê Trọng L3, ông Nguyễn Trọng M, ông Nguyễn Đình H5 đều cung cấp

thông tin có nội dung giống nhau như sau: Về tên gọi của ông Lê Tử C3: Dân làng thường gọi là ông C3 "Long Cu". Về quá trình sử dụng đất: Ông Long C7 sinh sống trên thửa đất này từ khi sinh ra đến khi chết. Ông C7 có 3 người vợ. Bà vợ thứ 3 là bà E về sinh sống với ông C7 được một thời gian ngắn thì sinh bà L. Mẹ con bà L đi vào miền N sau khi ông C7 mất cho đến nay không về địa phương.

Ngày 22/8/2025, ông Nguyễn Đình H5, bà Nguyễn Thị X2, ông Nguyễn Xuân V, ông Nguyễn Trọng M có văn bản bổ sung thông tin: Người làng gọi ông C7 là Long C7 vì ông C7 không có con cái nên nhận ông L3 là người dưỡng tử (chưa bao giờ gọi là L3).

- Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với thửa đất tranh chấp như sau:

Thửa đất số 585, tờ bản đồ số 01, bản đồ 299, nay là thửa 71, tờ bản đồ số 47 (sau đây gọi tắt là thửa 585) có diện tích 363,3m^2 có tứ cận: Phía Bắc giáp đất ông Lê Trọng H6; phía Nam giáp đất đường trục thôn, phía đông giáp ngõ thôn, phía Tây giáp đất ông Lê Trọng T15.

Kết quả định giá: Đất ở có giá 720.000 đồng/m^2; đất trồng cây lâu năm có giá là 55.700 đồng/m^2. Do thửa đất được công nhận 100% đất ở nên có giá trị là: 261.576.000 đồng.

Tài sản trên đất có đơn giá xây dựng còn lại như sau: Nhà chính 1.058.000đ/m^2; trần tôn: 49.000đ/m^2, gian liền kề: 537.000đ/m^2; chuồng bò: 189.000đ/m^2; chuồng heo: 189.000đ/m^2; mái che: 95.000đ/m^2; nền láng xi măng: 36.000 đồng/m^2; Hàng rào: 397.000đ/m^2; thân hàng rào:74.000đ/m^2.

Cây: 01 Cây lộc vừng có giá 120.000 đồng; 01 cây nhãn có giá 440.000 đồng; 01 cây vú sữa có giá 1.260.000 đồng; 01 cây bưởi có giá 4.800.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2025/DSST ngày 17/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 5; khoản 9 Điều 26; Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Các Điều 147; 157; 158; 165; 166; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3; Điều 9, các Điều 137; khoản 2 Điều 236 Luật đất đai năm 2024; Điều 20 Thông tư 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 quy định về bản đồ địa chính được sửa đổi bởi khoản 2 Điều 20 Thông tư 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 Quy định chi tiết một số điều của Nghị định 43/2014/NĐ-CP và nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2024 của Chính Phủ.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a, b khoản 1 Điều 24; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH và mục A danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L việc yêu cầu Tòa án: Buộc anh Phan Khắc T phải di dời nhà cửa, tài sản; trả lại quyền sử dụng đất và công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 585, tờ bản đồ số 01, bản đồ 299, diện tích 480m^2 (nay là thửa đất số 71, tờ bản đồ số 47, diện tích 363,3m^2) địa chỉ: Thôn B, xã L, tỉnh Hà Tĩnh cho bà Lê Thị L.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị P về việc buộc bà Lê Thị L phải bồi thường 143.150.000 đồng (một trăm bốn mươi ba triệu một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền thiệt hại thực tế và 23.400.000 đồng (hai mươi ba triệu bốn trăm ngàn đồng) tiền tổn thất về tinh thần cho gia đình bà P.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 23/12/2025, nguyên đơn bà Lê Thị L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 29/12/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Phan Khắc T phải di dời nhà cửa, tài sản; trả lại quyền sử dụng đất và công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 585, tờ bản đồ số 01, bản đồ 299, diện tích 480m^2 (nay là thửa đất số 71, tờ bản đồ số 47, diện tích 363,3m^2) địa chỉ: Thôn B, xã L, tỉnh Hà Tĩnh cho bà Lê Thị L.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Theo trình bày nguyên đơn, sự thừa nhận của bị đơn và của ủy ban nhân dân xã B và lời khai của người liên quan ông Lê Tử D, ông Lê Tử Đ và người làm chứng đều xác định chủ sử dụng đất tại thời điểm đo vẽ bản đồ 299 là ông Lê Tử C3 nên có cơ sở xác định đất thuộc quyền sử dụng của ông C3 nên đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo điều 92 BLTTDS, ông C3 chết thì người thừa kế của ông C3 là bà L có quyền khởi kiện. Giấy tờ bán của bị đơn nộp là do họ hàng của ông C3 bán nên không phù hợp. Bị đơn chiếm hữu chưa đủ 30 năm nên chưa đủ để chiếm hữu ngay tình. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Phan Khắc T phải di dời nhà cửa, tài sản; trả lại quyền sử dụng đất và công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 585, tờ bản đồ số 01, bản đồ 299, diện tích 480m^2 (nay là thửa đất số 71, tờ bản đồ số 47, diện tích 363,3m^2) địa chỉ: Thôn B, xã L, tỉnh Hà Tĩnh cho bà Lê Thị L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu độc lập buộc bà Lê Thị L phải bồi thường 143.150.000 đồng (một trăm bốn mươi ba triệu một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền thiệt hại thực tế và 23.400.000 đồng

(hai mươi ba triệu bốn trăm ngàn đồng) tiền tổn thất về tinh thần cho gia đình bà P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã phân tích đánh giá các chứng cứ của vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung đơn kháng cáo của nguyên đơn, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 27/2025/DSST ngày 17/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự.

[1]. Về thủ tục tố tụng:

1.1. Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

1.2. Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án, tư cách những người tham gia tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật theo khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và thụ lý giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng, đầy đủ tư cách của những người tham gia tố tụng.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

2.1. *Về tên gọi của ông Lê Tử K1.*

Theo Báo cáo số 28/BC-UBND ngày 11/4/2025 của Ủy ban nhân dân xã B (cũ) có nội dung: Ông Lê Tử C3 và ông Lê Tử K1 là 01 người, nhưng trong quá trình soạn thảo văn bản cán bộ nhầm lẫn giữa vần "C" và vần "K". Căn cứ tài liệu, chứng cứ thu thập được cùng với kết quả xác minh của Tòa án tại địa phương thể hiện, ông K1 (C) là người đã từng sinh sống trên thửa đất tranh chấp này, không có ai khác mang tên C3 (Ku) cùng sử dụng. Như vậy, có cơ sở để khẳng định ông Lê Tử C3 và ông Lê Tử K1 là một người.

Đối với tên gọi khác của ông C3 (K): Nguyên đơn cho rằng, tên thường gọi của ông C3 (K) là "L3" nhưng không đưa ra được tài liệu chứng cứ nào để chứng minh. Ủy ban nhân dân xã L xác nhận ông Lê Tử K1 ngoài tên gọi Lê Tử K1 (C) không có tên gọi nào khác. Các hộ dân cao tuổi sinh sống gần thửa đất tranh chấp

cung cấp thông tin: Người làng vẫn thường gọi ông C3 là "L" vì ông C3 không có con nên nhận ông L3 là người dưỡng tử, chứ không bao giờ gọi là "L3". Và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Lê Thị L cũng khẳng định tên thường gọi của ông C3 là "Long Cu" chứ không phải "L3". Như vậy, không có cơ sở để xác định ông Lê Tử C3 (K3) có tên gọi khác là "L3".

2.2. *Về quyền khởi kiện của nguyên đơn.*

Nguyên đơn cho rằng nguyên đơn là con đẻ của ông Lê Tử C3 (K) và bà Lại Thị E. Tài liệu để chứng minh quan hệ này là "Giấy khai sinh lại" do UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 12/11/2013. Tuy nhiên, bị đơn và một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cho rằng bà L không phải là con đẻ của ông Lê Tử K1 (Cu); phía bị đơn cho rằng giấy khai sinh lại do UBND xã E cấp chỉ là thủ tục hành chính được cấp theo kê khai và cam đoan của bà L theo nơi thường trú nên bà L không có quyền khởi kiện đòi lại thửa đất 585. Ngày 10/4/2025, Tòa án cấp sơ thẩm đã có văn bản yêu cầu Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk cung cấp tài liệu chứng cứ về toàn bộ hồ sơ đăng ký lại khai sinh của bà Lê Thị L và trả lời bằng văn bản về trình tự thủ tục thực hiện đăng ký lại khai sinh cho bà L (BL số 79). Tại văn bản số 30 ngày 18/4/2025, UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk trả lời: "*Trình tự, thủ tục thực hiện đăng ký khai sinh lại của bà Lê Thị L được thực hiện đúng quy định theo Nghị định 158/2025/NĐ-CP ngày 27/12/2005 và Thông tư 01/2008/TT-BTP"*. Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn cung cấp tài liệu mới là văn bản số 585/CV-UBND ngày 04/12/2025 của ủy ban nhân dân xã E trong đó Ủy ban đã khẳng định: *Việc cấp giấy khai sinh ngày 12/11/2013 cho bà Lê Thị L được thực hiện đúng quy định của pháp luật và nội dung do người yêu cầu khai báo. Ủy ban xã không chịu trách nhiệm đối với việc bà L sử dụng giấy khai sinh để tự nhận là con đẻ của ông Lê Tự K cũng như các hệ quả pháp lý phát sinh từ việc bà kê khai thông tin này".*

Như vậy, giấy khai sinh lại của bà Lê Thị L chưa bị thu hồi, hủy bỏ. Quá trình giải quyết vụ án không ai có yêu cầu giám định ADN để xác định quan hệ huyết thống cha- con giữa ông Lê Tử C3 (Ku) và bà Lê Thị L. Vì vậy, trên cơ sở giấy khai sinh và thực tế có việc chung sống với nhau giữa ông C3 và bà E có cơ sở khẳng định bà Lê Thị L là con ông Lê Tử C3, nên bà Lê Thị L có quyền khởi kiện đòi lại tài sản của bố bà để lại.

2.3. Về nguồn gốc và tình trạng pháp lý của thửa đất tranh chấp.

Theo báo cáo của Ủy ban dân dân xã B tại văn bản số 28/BC-UBND ngày 11/4/2025 và văn bản số 34 ngày 12/6/2025 thì Bản đồ 299, sổ mục kê thể hiện người kê khai quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 585, tờ bản đồ số 01 (trang số 19) ghi tên "L3". Tuy nhiên, lời khai của nguyên đơn bà Lê Thị L; bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều khẳng định: nguồn gốc thửa đất Thửa đất số 585, tờ bản đồ số 01 trên đất đã có một nhà ở là của ông Lê Tử L5 (cha của ông C3). Sau khi ông C3 kết hôn với bà X1 được bố mẹ cho thửa đất này để chung sống, giữa ông C3 và bà X1 có một người con chung là Lê Thị C4 (đã mất khi còn nhỏ). Sau một thời gian kết hôn bà X1 mất, ông C3 tiếp tục kết hôn với

bà Nguyễn Thị B2 (tên thường gọi là H4), giữa hai người không có con chung. Đến khoảng năm 1971, ông C3 đưa bà Lại Thị E về sinh sống cùng cùng ông C3 với bà B2. Đến năm 1986 ông Lê Tử C3 chết, bà Lại Thị E và bà Lê Thị L đã rời bỏ quê hương vào miền nam sinh sống. Bà H4 tiếp tục sống tại căn nhà và thửa đất nói trên đến năm 1996, bà H4 chết. Như vậy, mặc dù bản đồ địa chính 299 mang tên "Long", các tài liệu về hồ sơ quản lý đất đai không phản ánh thửa đất trên mang tên ông Lê Tử C3 (K). Nhưng thửa đất trên các đương sự đều thừa nhận là đất của bố mẹ ông C3 để lại cho vợ chồng ông C3 (K3), sau khi ông C3 mất bà H4 sử dụng đến năm 1996 bà H4 mất, đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Tử L1, ông Lê Tử D, ông Lê Tử Đ thì sau khi ông Lê Tử C3 chết vào năm 1986, mẹ con bà Lê Thị L rời khỏi địa phương vào miền N sinh sống. Bà Lê Thị L cho rằng mẹ con bà L vào miền nam năm 1996. Mặc dù, giữa các đương sự không thống nhất về thời điểm mẹ con bà L vào miền N, nhưng căn cứ vào "Lý lịch của người xin vào Đảng" của anh Nguyễn Xuân T16 con bà L, phản ánh quá trình sinh sống làm việc của bà L: *Năm 1990 là nông nhân tại xã E.* Như vậy, có căn cứ xác định bà L đi vào miền N từ năm 1990; còn bà E vào Đaklak chung sống với bà L vào năm 1992 (BL 133-147). Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/5/2025 (BL51-52), bà Lê Thị L cho rằng sau khi bà rời địa phương vào miền N lập nghiệp cho đến cuối năm 2023 bà có về địa phương một lần không nhớ rõ ngày tháng. Thời điểm mẹ con bà L vào miền N thửa đất nói trên do bà B2 (bà H4) sử dụng. Theo lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Tử L1, ông Lê Tử D, ông Lê Tử Đ, cho rằng: sinh thời ông Lê Tử C3 không có con trai và giữa bà B2 và ông C3 không có con chung để lo việc trăm tuổi nên ông C3 nhờ cháu trai là ông Lê Tử L1 làm "dưỡng tử", ông L1 có trách nhiệm thờ cúng trông nom mộ phần của ông C3, bà B2. Thực tế, thời điểm bà B2 chết vào năm 1996, bản thân ông L1 và con cháu lo hậu sự cho bà B2. Việc thờ cúng, sửa sang, cải tạo mồ mả của ông C3, bà B2 hàng năm đều do ông L1 và con cháu nội tộc đảm nhiệm. Quá trình giải quyết vụ án bà L cũng không phủ nhận việc ông L1 là người đứng ra thờ cúng ông C3, bà B2.

Ngày 16/3/1998, sau khi bà B2 mất được 02 năm, anh em phía bên nội ông Lê Tử C3, gồm ông Lê Tử T17, Lê Tử B1, Lê Tử L1, Lê Tử Đ, Lê Tử D và anh em bên ngoại của bà Nguyễn Thị B2 (bà H4), gồm ông Nguyễn Duy H3, ông Nguyễn Duy T18; bà Nguyễn Thị V1 đã thống nhất bán thửa đất số 585, tờ bản đồ số 01, bản đồ 299, diện tích 480m^2 là di sản của ông C3, bà B2, cho ông Phan Khắc N (bố đẻ bị đơn ông Phan Khắc T) với số tiền 500.000 đồng. Việc mua bán có lập "Giấy bán nhà vườn", có xác nhận của anh em nội, ngoại và chính quyền địa phương (Bl 208, 209). Như vậy, mặc dù nguồn gốc thửa đất là của ông Lê Tử C3, bà Nguyễn Thị B2, nhưng hai người không có con chung; bà Lê Thị L là con riêng của ông C3 với bà E, nhưng sau khi ông C3 mất, bà E và bà L vào miền N sinh sống không về, thời điểm bà B2 mất việc hậu sự do con cháu ông Lê Tử C3 là ông Lê Tử L1 gánh vác lo liệu là thực hiện công việc của người chết để lại. Số

tiền 500.000 đồng bán đất không sử dụng vào mục đích cá nhân của ông Lê Tử L1, mà dùng vào việc thờ cúng, cải tạo mồ mả cho ông C3, bà B2, việc cải tạo phần mộ và thờ cúng được bà L thừa nhận do ông L1 đảm nhiệm (BL52).

Sau khi ông Phan Khắc N nhận chuyển nhượng, thanh toán đủ 500.000 đồng số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông N đã cho vợ chồng con trai ông Phan Khắc T, bà Nguyễn Thị P quản lý sử dụng thửa đất trên. Sau khi về sinh sống trên thửa đất từ năm 1998, do nhà cửa xuống cấp nên ông T, bà P đã sửa chữa, xây dựng lại nhà và sinh sống ổn định từ đó cho đến nay. Quá trình sử dụng đất ông Phan Khắc T (con ông N), bà Nguyễn Thị P sử dụng ngay tình, ổn định liên tục trên 24 năm. Bà Lê Thị L có về địa phương, biết việc ông T, bà P sử dụng nhưng không hề có ý kiến phản đối.

Như vậy, xét giao dịch lập ngày 16/3/1998 chuyển nhượng quyền sử dụng đất 585, tờ bản đồ số 01, bản đồ 299, diện tích 480m^2 tại xã L, tỉnh Hà Tĩnh giữa hai bên nội ngoại ông Lê Tử C3, bà Nguyễn Thị B2 với ông Phan Khắc N, vi phạm về chủ thể thực hiện giao dịch. Nhưng mục đích thực hiện giao dịch để thực hiện công việc mai táng, thờ cúng, cải tạo mồ mả của ông C3, bà B2 là thực hiện công việc của người chết là chủ sử dụng hợp pháp để lại, được hai bên nội ngoại của ông C3, bà B2 đồng ý. Bên nhận chuyển nhượng ông Phan Khắc N đã thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán số tiền 500.000 đồng chuyển nhượng, sau khi nhận chuyển nhượng ông N đã cho vợ chồng con trai Phan Khắc T, chị Nguyễn Thị P sử dụng, cải tạo xây dựng nhà cửa sinh sống ổn định từ năm 1998 cho đến nay. Bà L thoát ly khỏi địa phương từ năm 1990 đến nay mới về địa phương, bà không phải là người trực tiếp lo hương khói, thờ cúng ông C3, bà B2. Mặt khác, bản thân ông Phan Khắc T là người khuyết tật được hưởng trợ cấp xã hội, ngoài chỗ ở này ông T, bà P không có chỗ ở nào khác.

Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định pháp luật.

2.4. Đối với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị P.

Bà Nguyễn Thị P yêu cầu bà Lê Thị L phải bồi thường thiệt hại cho bà P tổng số tiền 166.550.000 đồng cụ thể gồm các khoản: Tiền chi phí thực tế để tham gia giải quyết vụ án do bà L khởi kiện 143.150.000 đồng gồm: Tiền nghỉ việc không lương, tiền thuê xe/mua vé máy bay di chuyển, tiền thuê dịch vụ pháp lý và yêu cầu bồi thường 23.400.000 đồng tiền tổn thất về tinh thần. Xét thấy, việc bà L khởi kiện là thực hiện quyền dân sự, đảm bảo các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự theo quy định tại Điều 3, Điều 9 Bộ luật dân sự; thực hiện quyền quyết định và tự định đoạt của mình trong việc khởi kiện theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T11 và chị P là người bị kiện có các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ hướng dẫn tại Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP, ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, yêu

cầu độc lập này không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, vì vậy kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P là không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ, đúng quy định pháp luật cần chấp nhận.

[3]. Về án phí:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn bà Lê Thị L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, tuy nhiên bà P thuộc hộ nghèo, có đơn xin miễn án phí nên được miễn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị L, không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2025/DSST ngày 17/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh.

Căn cứ khoản 1 Điều 5; khoản 9 Điều 26; Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Các Điều 147; 148; 157; 158; 165; 166; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3; Điều 9, các Điều 137; khoản 2 Điều 236 Luật đất đai năm 2024; Điều 20 Thông tư 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 quy định về bản đồ địa chính được sửa đổi bởi khoản 2 Điều 20 Thông tư 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 Quy định chi tiết một số điều của Nghị định 43/2014/NĐ-CP và nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2024 của Chính Phủ.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a, b khoản 1 Điều 24; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27; khoản 1 Điều 29; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH và danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L việc yêu cầu Tòa án: Buộc anh Phan Khắc T phải di dời nhà cửa, tài sản; trả lại quyền sử dụng đất và công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 585, tờ bản đồ số 01, bản đồ 299, diện tích 480m^2 (nay là thửa đất số 71, tờ bản đồ số 47, diện tích 363,3m^2) địa chỉ: Thôn B, xã L, tỉnh Hà Tĩnh cho bà Lê Thị L.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị P về việc buộc bà Lê Thị L phải bồi thường 143.150.000 đồng (một trăm bốn mươi ba triệu một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền thiệt hại thực tế và 23.400.000 đồng (hai mươi ba triệu bốn trăm ngàn đồng) tiền tổn thất về tinh thần cho gia đình bà P.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Lê Thị L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch (bà đã nộp tại biên lai thu tiền số 0005497, ngày 10/02/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Hà (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1- Hà Tĩnh).

Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị P. Bà P được trả lại số tiền tạm ứng 3.842.000 đồng (ba triệu tám trăm bốn mươi hai ngàn đồng) đã nộp tại biên lai thu tiền số 0005537 ngày 27/5/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Hà (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1- Hà Tĩnh).

Án phí dân sự phúc thẩm:

- Buộc nguyên đơn bà Lê Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm (bà L đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000034 ngày 10/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

- Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị P.

4. Về chi phí tố tụng khác: Nguyên đơn bà Lê Thị L phải chịu 4.100.00 đồng (bốn triệu một trăm ngàn đồng) chi phí thẩm định, định giá tài sản (bà L đã nộp đủ số tiền trên).

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND Khu vực I, tỉnh Hà Tĩnh;
- Thi hành án dân sự Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Quang Năng